TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/DS-PT Ngày: 06-01-2023 V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03/01 và 06/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 387/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, đường V, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022). *(Có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lại Hữu H, sinh năm 1959 (Đã chết)

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Hữu H:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 (Vợ ông H)

2.1.2. Anh Lại Chí H1, sinh năm 1984 (Con ông H1)

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.1.3. Chị Lại Hồng H2, sinh năm 1986 (Con ông H2)

Địa chỉ: Tổ C, Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

3.1. Anh Lại Chí H1, sinh năm 1984 (Con ông H1)

3.2. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1988 (Dâu ông H1)

3.3. Cháu Lại Lê Ngọc H4, sinh ngày 20/11/2006 (Cháu nội ông H4)

3.4. Cháu Lại Lê Gia H5, sinh ngày 19/8/2008 (Cháu nội ông H5)

Đại diện theo pháp luật của cháu Ngọc H4, cháu Gia H5: Anh Lại Chí H1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, anh H1, chị H3, chị H1: Ông Cao Minh T1, sinh năm 1970; Số 273, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.5. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Chủ tịch huyện L. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L bị đơn, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lại Hữu H. Anh Lại Chí H1 là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Lại Hữu H và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện hợp pháp của ông Lê Hoàng T là chị Nguyễn Thị Như Ý trình bày: Trước đây, ông Lại Hữu H có tham gia chơi hụi do ông T làm đầu thảo, ông H đã hốt hết tất cả các dây hụi nhưng không đóng lại hụi chết cho ông T. Đến đầu năm 2015, ông T yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ xem xét dấu hiệu hình sự của ông H. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, ông H thừa nhận có tham gia chơi hụi nên đồng ý đối chiếu, cam kết và bảo đảm trả nợ cho ông T bằng số tài sản là đất diện tích 73.496m^2, mục đích sử dụng là đất nông nghiệp, tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo lời trình bày của ông H đã được thể hiện trong Biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2015), theo Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 11/5/2015. Sau đó, ông H không thực hiện đúng cam kết và Cơ quan Cảnh sát điều tra hướng dẫn ông T khởi kiện ở Tòa án, vì ông H còn tài sản chứ không tẩu tán nên không có dấu hiệu hình sự. Lúc này, ông T cũng nghĩ rằng đã có Biên bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra ghi nhận toàn bộ nội dung cam kết, bảo đảm trả nợ bằng quyền sử dụng đất của ông H. Nếu như ông H chuyển quyền sử dụng đất cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông T là vi phạm nên ông T mới khởi kiện ông H tại Tòa án. Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Bản án số 325/2018/DS-PT ngày 14/11/2018 có hiệu lực pháp luật, buộc ông H và vợ là bà Nguyễn Thị L cùng liên đới trả cho ông T số tiền 644.500.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Trong quá trình tổ chức thi hành Bản án số 325/2018/DS-PT thì ông T mới được biết các quyền sử dụng đất mà ông H cam kết trả nợ cho ông T đã được tặng cho toàn bộ cho con trai tên Lại Chí H1 nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Lê Hoàng T yêu cầu:

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 234, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 21/9/2017 giữa hộ ông Lại Hữu H và anh Lại Chí H1, thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 10786,5m^2 đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 178, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L với anh Lại Chí H1, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 1.238,8m^2 đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 180, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L với anh Lại Chí H1, thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 3038,5m^2 đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba.

- Đại diện hợp pháp của bà L, anh H1, chị H3, chị H1 là ông Cao Minh T1 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, do hộ ông Lại Hữu H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 234, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 21/9/2017 giữa hộ ông Lại Hữu H và anh Lại Chí H1, thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 10.786,5m^2, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc thửa đất số 62, tờ bản đồ 69 do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 178, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L với anh Lại Chí H1, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 1.238,8m^2 đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ 69 do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 180, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L với anh Lại Chí H1, thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, theo đo đạc thực tế diện tích 3.038,5m^2 đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Về trình tự thủ tục làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thời điểm là đúng theo quy định pháp luật nên không đồng ý tuyên bố Hợp đồng là vô hiệu. Các thửa đất tranh chấp hiện nay do anh Lại Hữu H đang trực tiếp canh tác. Hiện các thửa đất tranh chấp này không có thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền. Nay đại diện hợp pháp của bà L, anh H, chị H3, chị H là ông Cao Minh T1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 234, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực ngày 21/9/2017 giữa hộ ông Lại Hữu H (Hộ ông Lại Hữu H gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ ông H1) với anh Lại Chí H1 vô hiệu do giả tạo thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 178, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L (Hộ bà Nguyễn Thị L gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ bà L) với anh Lại Chí H1 vô hiệu do giả tạo thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 180, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực, ngày 11/7/2017 giữa hộ bà Nguyễn Thị L (Hộ bà Nguyễn Thị L gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ bà L) với anh Lại Chí H1 vô hiệu do giả tạo thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lại Hữu H tặng cho ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2017 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị L tặng cho ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2017 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị L tặng cho

ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lại Hữu H theo quy định của pháp luật thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2020 và Sơ đồ đo đạc đất ngày 10/03/2021).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc những người kế thừa, nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Hữu H là bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lại Hồng H2 và bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông Lê Hoàng T chi phí xem xét, thẩm tại chỗ số tiền 14.409.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/10/2022, Bà Nguyễn Thị L và anh Lại Chí H1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm; không đồng ý vô hiệu các hợp đồng tặng cho QSDĐ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Đ trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thỏa thuận được với bà L và anh Lại Chí H1 về giải quyết vụ án.

+ Ông T1 trình bày: Bà L và anh Lại Chí H1 kháng cáo không đồng ý quyết định tuyên bố vô hiệu các hợp đồng tặng cho QSDĐ của hộ Lại Hữu H, hộ bà L và anh Lại Chí H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Nhận thấy bà L, anh Chí H1 kháng cáo cho rằng hộ ông Hữu H bà L tặng cho anh Chí H1 QSDĐ là đúng thủ tục quy định và trước khi bản án số 325 ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp buộc ông Hữu H và bà L trả cho ông T số tiền 644.500.000đ, nên không đồng ý hủy các hợp đồng tặng cho QSDĐ. Tuy nhiên tại biên bản ngày 11/5/2015 của Công an tỉnh Đ thì ông Hữu H thống nhất đảm bảo diện tích 73.496m^2 cho khoản tiền nợ thiếu ông T. Quá trình Tòa án huyện L giải quyết vụ án tranh chấp do ông T khởi kiện đòi tiền hụi thì ông Hữu H, bà L và anh Chí H1 thực hiện việc tặng cho tài sản nói trên nhưng chưa được sự thống nhất của ông T, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Xét thấy, việc nợ tiền hụi có làm cam kết đảm bảo bằng QSDĐ mà không thực hiện đúng cam kết trả nợ, nay ông Hữu H, bà L không còn tài sản nào khác để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Do đó hợp đồng tặng cho QSDĐ là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng tặng cho QSDĐ thuộc thửa số 62, 70, 30 cùng tờ bản đồ 69 vô hiệu là phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, anh Chí H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho QSDĐ của hộ ông Hữu H, hộ bà L và anh Chí H1 vô hiệu. Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T ủy quyền cho ông Đ; bà L, anh Chí H1, chị Hồng H2 và chị H3 ủy quyền cho ông T1 thủ tục phù hợp quy định nên chấp nhận. Bà L, anh Chí H1 kháng cáo trong thời hạn quy định nên chấp nhận.

[2] Ông Đ trình bày, ông Hữu H và bà L là người phải thi hành án trả nợ cho ông T và có tài sản là các thửa đất thuộc QSDĐ của hộ ông Hữu H và hộ

bà L nhưng không sử dụng tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mà lại tặng cho tài sản này cho con là anh Chí H1 nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Hộ ông Hữu H tặng cho QSDĐ cho anh Chí H1 tại hợp đồng số 234 quyển số 01/2017-SCT/HĐ-GD ngày 21/9/2017, thửa đất số 30 tờ bản đồ 69 diện tích thực tế 10.786,5m^2. Hộ bà L tặng cho anh Chí H1 gồm hợp đồng số 178 quyển số 01/2017-SCT/HĐ-GD ngày 11/7/2017, thửa đất số 62 tờ bản đồ 69 diện tích thực tế 1.238,8m^2; hợp đồng số 180 quyển số 01/2017-SCT/HĐ-GD ngày 11/7/2017, thửa đất số 70 tờ bản đồ 69 diện tích thực tế 3.038,5m^2. Vì vậy yêu cầu tuyên bố các hợp đồng tặng cho QSDĐ vô hiệu do giả tạo. Ông T1 cho rằng việc tặng cho tài sản giữa hộ ông Hữu H, hộ bà L và anh Chí H1 là phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng không bị vô hiệu.

Nhận thấy, ông Hữu H và bà L là vợ chồng có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 644.500.000đ theo quyết định của Bản án số 325/2018/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ cho rằng nghĩa vụ trả nợ bằng tài sản nói trên phát sinh trước thời điểm hộ ông Hữu H và hộ bà L lập hợp đồng tặng cho QSDĐ cho anh Chí H1 là có cơ sở, bởi vì: Tại biên bản đối chiếu nợ ngày 11/5/2015 của cơ quan cảnh sát điều tra C, thì ông Hữu H thừa nhận có nợ tiền hụi của ông T và cam kết tài sản đảm bảo trả nợ là 73.496m^2 đất trồng lúa và cây lâu năm, đã kê khai tại biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2015 của cơ quan cảnh sát điều tra C.

[3] Theo Công văn số 341/CCTHADS-NV ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, xác định quá trình tổ chức thi hành án ngày 18/10/2019 Chi cục Thi hành án dân sự đã ra quyết định xác định về việc chưa có điều kiện thi hành án, đối với khoản tiền buộc ông Hữu H và bà L cùng nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 644.500.000đ.

Qua nội dung trên cho thấy ông Hữu H và bà L là cha mẹ của anh Chí H1, đã thừa nhận tại cơ quan có thẩm quyền là người có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, nhưng có tài sản mà không bán trả nợ mà tặng cho con để đứng tên QSDĐ. Trên thực tế hộ bà L vẫn đang quản lý sử dụng đất canh tác. Ngoài phần đất nói trên thì hiện nay cũng không còn tài sản nào khác để thi hành án theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, xác định giao dịch tặng cho QSDĐ là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, vì vậy kháng cáo của bà L và anh Chí H1 là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, anh Chí H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí: Bà L là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên chấp nhận miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Anh Chí H1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L về việc miễn tiền án phí, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Chí H1, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 131 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lại Chí H1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm (về án phí).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 234, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực ngày 21/9/2017, giữa hộ ông Lại Hữu H (Hộ ông Lại Hữu H gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ ông Hữu H) với anh Lại Chí H1 vô hiệu do giả tạo thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 178, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực ngày 11/7/2017, giữa hộ bà Nguyễn Thị L (Hộ bà Nguyễn Thị L gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ bà L) với anh Lại Chí H1 vô hiệu

do giả tạo thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 180, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã T chứng thực ngày 11/7/2017, giữa hộ bà Nguyễn Thị L (Hộ bà Nguyễn Thị L gồm: Ông Lại Hữu H, bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lê Thị H3, gọi tắt là hộ bà L) với anh Lại Chí H1 vô hiệu do giả tạo thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lại Hữu H tặng cho ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2017, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị L tặng cho ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy việc chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2017, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị L tặng cho ông Lại Chí H1 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lại Hữu H theo quy định của pháp luật thửa 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật thửa 62, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phục hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật thửa 70, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2020 và Sơ đồ đo đạc đất ngày 10/03/2021).

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ và án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Hữu H là anh Lại Chí H1, chị Lại Hồng H2 liên đới nộp 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lại Chí H1 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0013764 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Hoàng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đ theo lai thu số 0000183 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Hữu H (là bà Nguyễn Thị L, anh Lại Chí H1, chị Lại Hồng H2) và bà Nguyễn Thị L liên đới trả lại cho ông Lê Hoàng T số tiền 14.409.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng